|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC BUÔN HỒ  **TRƯỜNG MẪU GIÁO HOA CÚC**  Số: /KH-CMHC | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Ea Blang, ngày tháng 11 năm 2021* |

**KẾ HOẠCH**

**HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN - NĂM HỌC: 2021-2022**

Căn cứ Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Công văn số 1537/SGDĐT-GDMN ngày 06/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Mầm non năm học 2021-2022;

Căn cứ Kế hoạch số 19/KH-PGDĐT ngày 01/11/2021 của phòng Giáo dục và Đào tạo về phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm học 2021-2022;

Căn cứ công văn số 343/PGDĐT- GDMN ngày 02 tháng 11 năm 2021, Phương hướng, nhiệm vụ năm học 2021 – 2022 Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Kế hoạch số /KH-HC ngày tháng 11 năm 2021 của hiệu trưởng trường mẫu giáo hoa cúc;

Bộ phận chuyên môn Trường Mẫu giáo Hoa Cúc xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2021 – 2022 như sau:

**I.MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:**

Tạo sự thống nhất trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học 2021 – 2022 trong Trường Mẫu Giáo Hoa Cúc, theo sự hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của Phòng Giáo Dục Đào Tạo Buôn Hồ. Tăng cường công tác tuyên truyền để quán triệt và thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục mầm non;

Xây dựng kế hoạch bám sát vào tình hình thực tế của Trường Mẫu Giáo Hoa Cúc, từ đó xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm là: Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho trẻ , duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chuẩn bị tốt cho trẻ vào học lớp một; Tăng cương công tác quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19; làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tư tưởng và hành động cho đội ngũ cán bộ và giáo viên, nhân viên của trường vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo Chương trình GDMN. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới cơ chế quản lý, tăng nề nếp, kỷ cương, chất lượng và hiệu quả về nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trong nhà trường. Cán bộ, giáo viên, nhân viên để cùng nhau thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2021 – 2022.

**II. NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP THỰC HIỀN CỤ THỂ**

**1.Đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp**

Thực hiện nghiêm công tác phòng, chống dịch theo chỉ đạo của cấp trên;

Làm tốt công tác y tế trường học theo Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGD ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế và Bộ Giaó dục và đào tạo;

Tăng cương công tác quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19; làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tư tưởng và hành động cho cán bộ và giáo viên, nhân viên của trường vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo Chương trình GDMN;

Tăng cường các biện pháp quản lý, chỉ đạo chống dịch Covid -19; đề cao kỹ luật, kỹ cương của người đứng đầu trong phòng, chống dịch Covid -19;

Thực hiện các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường theo qui định tại Nghị định số 80/2017/NĐ-CP bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ.

Đưa các nội dung Chuyên đề “Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ vào nhiệm vụ thường xuyên của trường.

Chú trọng công tác kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn về an toàn trong nhà trường nhằm phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ mất an toàn cho trẻ;

Thực hiện nghiêm các quy tắc ứng xử theo quy định;

Thực hiện tốt các hoạt động của trẻ tại trường, bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ.

Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong công tác đảm bảo an toàn, phòng chống bạo lực học đường, tổ chức ăn bán trú, giáo dục an toàn giao thông, lồng ghép nội dung giáo dục phòng, chống tai nạn thương tích vào chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ theo hướng dẫn của Bộ GDĐT;

Triển khai kế hoạch số 290/KH-PGDĐT ngày 07/9/2021 của phòng Giaó dục và Đào tạo về thực hiện Chương trình “Tôi yêu Việt Nam” bậc học mầm non, năm học 2021-2022.

**\* Biện pháp thực hiện:**

Phối hợp chặt chẽ với trạm y tế xã trong việc thực hiện công tác phòng, chống dịch, bệnh( dịch Covid-19 và các dịch bệnh khác...)

Đảm bảo các yêu cầu, điều kiện về trang thiết bị phòng, chống dịch, bệnh; phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ phụ huynh đảm bảo an toàn trong thời gian trẻ ở nhà tránh dịch;

Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tư tưởng và hành động cho cán bộ và giáo viên, nhân viên của trường vừa phòng, chống dịch hiệu quả, vừa thực hiện nhiệm vụ giáo dục theo Chương trình GDMN;

Khi học sinh đi học trở lại, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả và phối hợp với Công an xã, trạm Y tế xã, tham mưu với Công an phòng cháy chữa cháy diễn tập phòng chống cháy nổ để kịp thời phát hiện các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ và CBCCVC, để khắc phục kịp thời.

Tham mưu trung tâm y tế thị xã tập huấn cho cán bộ, giáo viênvề vệ sinh an toàn thực phẩm. Ký kết hợp đồng ăn uống rõ nguồn gốc xuất xứ.

Thường xuyên kiểm tra nhắc nhở cán bộ, giáo viên nhân viên, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống tai nạn thương tích, an toàn giao thông cho trẻ em trong nhà trường. Xử lý nghiệm tình trạng để xảy ra mất an toàn đối với trẻ

**2.Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý.**

Triển khai, chỉ đạo CBGVNV thực hiện kịp thời nghị quyết, chỉ thị, văn bản hướng dẫn, chính sách GDMN.

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục trong nhà trường theo hướng phân cấp, phân quyền, tự chủ gắn với cơ chế giám sát và trách nhiệm giải trình; nâng cao công tác quản trị nhà trường; tăng cường đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt chuyên môn, khồng phát sinh hệ thống hồ sơ sổ sách so với quy định.

Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định về tổ chức và hoạt động của Nhà trường theo điều lệ trường mầm non. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, xử lý nghiêm những cá nhân vi phạm.

Chỉ đạo đổi mới công tác sinh hoạt chuyên môn, thực hiện hồ sơ sổ sách theo Quy định tại Điều lệ trường mầm non và theo hướng dẫn số 826/SGDĐT-GDMN, ngày 23/8/2010 về việc hướng dẫn HSSS cơ sở giáo dục mầm non. Tiếp tục thực hiện tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục theo Thông tư số 19/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018.

**\* Quản lý về công tác chuyên môn:**

Triển khai thực hiện kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác quản lý.

Vào đầu năm học BGH triển khai đến khối trưởng và giáo viên những thay đổi, cách lập kế hoạch bám theo mốc phát triển của trẻ để xây dựng mục đích yêu cầu, dựa vào đặc điểm lứa tuổi và sát với thực tế tình hình của lớp.

Chỉ đạo các khối, lớp soạn bài linh hoạt ứng phó với tình hình dịch bệnh covid, nếu trẻ đến trường thì soạn giảng, trẻ ở nhà vì dịch bệnh thì quay video mỗi giáo viên 2 video/tuần và tổ chức hoạt động tích hợp theo nhiều cách khác nhau để thử nghiệm, chú trọng đến sự trải nghiệm và tự khám phá của trẻ cho toàn thể giáo viên cùng rút kinh nghiệm.

Hàng tháng khối trưởng chuẩn bị tốt buổi họp chuyên môn để rút kinh nghiệm chủ đề vừa thực hiện và thảo luận chủ đề kế tiếp.

Phổ biến các nội dung chuyên môn, làm đồ dùng dạy học, kinh nghiệm trong giảng dạy để cùng nhau kham khảo.

Cử cán bộ, giáo viên cốt cán tham gia các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức. Thực hiện tốt công tác tập huấn nâng cao chuyên môn tại trường.

Đổi mới công tác quản lý, lưu trữ và sử dụng hồ sơ, sổ sách chuyên môn trong đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, tránh hình thức gây áp lực.

Thực hiện tốt việc ứng dụng CNTT trong quản lý và chăm sóc, giáo dục trẻ.

Ban giám hiệu, khối trưởng thường xuyên dự giờ, thăm lớp để góp ý giáo viên. Bên cạnh đó thường xuyên kiểm tra đột xuất các hoạt động để đánh giá và xử lý nghiêm những cá nhân vi phạm.

**\* Quản lý về công tác bán trú:**

Chỉ đạo các lớp thực hiện các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì, giảm tỷ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi dưới 5% đến cuối năm. Tiếp tục thành lập ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh cho trẻ trong nhà trường. Quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn tại 6 lớp bán trú, đảm bảo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong nhà trường.

Chỉ đạo giáo viên, nhân viên giữ gìn môi trường sinh hoạt, dụng cụ ăn uống, đồ dùng, đồ chơi của trẻ, thường xuyên vệ sinh bằng dung dịch diệt khuẩn và rửa tay bằng xà phòng dưới vòi nước sạch để phòng chống dịch bệnh gây nguy hiểm tới tính mạng của trẻ.

Phối hợp với trạm y tế tổ chức cân và đo theo quý, theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ. Khám sức khỏe định kỳ ít nhất 2 lần/năm, quản lý sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cho trẻ. Chú trọng giáo dục kỹ năng sống cho trẻ, góp phần hình thành nền nếp thói quen tốt, hành vi văn minh có lợi cho sức khỏe và sự phát triển lâu dài của trẻ.

Triển khai giáo viên dạy bán trú và cô nuôi phải được khám sức khoẻ hàng năm.

Tăng cường các biện pháp quản lý, kiểm tra giám sát và hướng dẫn thực hiện các thao tác vệ sinh, an toàn và phòng bệnh cho tất cả các bộ phận. Chú trọng tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe, nâng cao sức đề kháng cho trẻ trong mùa dịch covid để phụ huynh cùng phối hợp chăm sóc con ở nhà.

**\*Biện pháp thực hiện:** Phối hợp với các đoàn thể trong nhà trường để triển khai các văn bản và xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật kịp thời, thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường. Phối hợp với đoàn thể trong nhà trường thực hiện công khai minh bạch, dân chủ; phát huy quyền dân chủ, nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân.

Đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn bằng cách học hỏi đồng nghiệp, để phát huy tính tích cực sáng tạo trong công tác bồi dưỡng nâng cao chuyên môn cho từng các nhân. Triển khai tiết dạy tốt, dạy mẫu để cùng nhau rút kinh nghiệm, tích cực sáng tạo hơn.

Trồng cây xanh, cây cảnh: Mỗi một lớp học được phân công chăm sóc 1- 2 bồn hoa. Huy động đoàn viên công đoàn đóng góp ngày công để đổ đất, trồng chăm sóc bồn hoa. Xây dựng tốt các mối quan hệ trong và ngoài nhà trường.

Tăng cường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh – CB, GV, NV. Đưa trò chơi dân gian, làn điệu dân ca vào nhà trường.

Chỉ đạo giáo viên các lớp lập nhóm zalo của lớp, để tiện trao đổi với phụ huynh về tình hình học tập của các cháu, quay video gửi phụ huynh trong tình hình dịch bệnh để giáo dục, tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, kỹ năng sống cho trẻ.

**3. Rà soát, sắp xếp và phát triển hệ thống mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất; nâng cao chất lượng kiểm định và xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia**

Tiếp tục thực hiện công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng; duy trì kết quả và nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia, tham mưu với các cấp chính quyền đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định để đề nghị công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2 theo đúng lộ trình

Tổ chức Hội thi “Làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo” cấp trường. Tham gia dự thi cấp thị xã nhằm đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng, đồ chơi trong nhà trường; tạo được nguồn lực phong phú, đa dạng về đồ dùng dạy học và đồ chơi tự tạo, từng bước đáp ứng đầy đủ trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định.

Xây dựng thư viện theo Luật Thư viện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, của trường, đặc biệt chú ý xây dựng thư viện số, hỗ trợ giáo viên và phụ huynh khai thác tài nguyên thông tin trên mạng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến khó lường.

Tham mưu Hiệu trưởng mua sắm các thiết bị dạy học như: Máy chiếu, máy tính, ti vi, tủ kệ,…Tham mưu mua sắm bổ sung các thiết bị, đồ dùng nằm trong Thông tư 02 đã hư hỏng và còn thiếu, chỉ đạo Giáo viên tăng cường làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo từ nguyên vật liệu sẵn có phù hợp với văn hóa địa phương, gắn với cuộc sống của trẻ .

**\*Biện pháp thực hiện:**

Tiếp tục tham mưu với chính quyền địa phương hỗ trợ đầu tư về cơ sở vật chất để làm sân trường, mái che điểm trường chính trong nhiệm kỳ 2020-2025; đảm bảo biên chế lớp theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Chỉ đạo giáo viên rà soát thiết bị đồ dùng đồ chơi theo quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDDT ngày 23 /3/2015, nếu thiếu để có kế hoạch bổ sung và mua một số đồ dùng ngoài Thông tư quy định, chỉ đạo giáo viên tăng cường làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo từ nguyên vật liệu sẵn có phù hợp với văn hóa địa phương, gắn với cuộc sống của trẻ.

**4. Củng cố, nâng cao chất lượng PCGDMNTNT; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo ở những nơi đủ điều kiện**

Chỉ đạo Ban chuyên trách phổ cập tăng cường công tác phối hợp với trường Tiểu học,Trung học cơ sở Đinh Núp thực hiện tốt công tác điều tra phổ cập.

Xây dựng và tham mưu chính quyền địa phương có kế hoạch triển khai công tác phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo trên địa bàn xã nhằm tiến tới đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo vào năm 2030 theo tinh thần Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 20/8/2021 của Chính phủ.

Thực hiện đầy đủ và kịp thời chính sách hỗ trợ cho trẻ và giáo viên theo quy định.

**\*Biện pháp thực hiện.**

Phân công nhiệm vụ điều tra cập nhật số liệu ba thôn; Buôn Trinh 4, Đông Xuân, Quyết Thắng xã Ea Blang.

Phối hợp với các trường trên địa bàn để điều tra dân số và nhập liệu. Theo dõi rà soát trẻ trong độ tuổi đến trường, trẻ đi học trái tuyến để có biện pháp phổ cập kịp thời. Vận động mọi trẻ đều được đến trường. Chỉ đạo bộ phận kế toán tham mưu kinh phí hỗ trợ chính sách cho trẻ theo quy định và hướng dẫn phụ huynh làm thủ tục để nhận chế độ.

**5. Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ**

**5.1. Quản lý chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em**

Chỉ đạo các lớp thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng trẻ em theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 về Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương;

Quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn tại trường đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm, bảo đảm cân đối, hợp lý về dinh dưỡng, đa dạng thực phẩm và phù hợp với cá nhân trẻ. Không để xảy ra ngộ độc thực phẩm trong cơ sở Nhà trường;

Huy động nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng phục vụ việc tổ chức bữa ăn bán trú và công trình vệ sinh, nước sạch;

Tăng cường các hoạt động vệ sinh trong Nhà trường; đẩy mạnh giáo dục trẻ kỹ năng thực hành vệ sinh cá nhân, tự bảo vệ chăm sóc sức khỏe; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, bảo đảm 100% trẻ em đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.

Tiếp tục tham gia tập huấn và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ trong nhà trường; công tác y tế trường học; tăng cường hoạt động thể lực để nâng cao sức khỏe, dự phòng các bệnh không lây nhiễm.

Chỉ đạo giáo viên tăng cường tuyên truyền đến các bậc cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối hợp lý giúp trẻ phát triển về thể chất; Phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thừa cân, béo phì. Tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh thường gặp, duy trì chế độ dinh dưỡng cho trẻ trong mùa dịch covid, tránh nhiễm bệnh.

Chỉ tiêu:

Tuyên truyền vận động 100% trẻ mẫu giáo ăn bán trú.

100% số trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm.

100% số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ.

Tuyên truyền vận động 100% số trẻ được tiêm chủng đúng lịch

94- 97% số trẻ cân nặng và chiều cao bình thường

100% số trẻ được rửa tay dưới vòi nước sạch

100% số trẻ có đủ ca cốc, khăn mặt riêng, đồ dùng phục vụ cá nhân.

100% số trẻ 5 tuổi biết đánh răng

100% trẻ biết giữ gìn vệ sinh cá nhân, vệ sinh phòng bệnh;

Đảm bảo an toàn tuyệt đối, không xảy ra tai nạn rủi ro hoặc ngộ độc thực phẩm.

**\* Biện pháp thực hiện:**

Phối hợp với trạm Y tế phòng chống một số bệnh thường gặp, tăng cường các giải pháp giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và suy dinh dưỡng thể thấp còi so với đầu năm học xuống dưới 10% và khống chế tỷ lệ trẻ thừa cân béo phì. Xây dựng kế hoạch phục hồi suy dinh dưỡng sau mỗi quý cân, đo để có biện pháp khắc phục tình trạng suy dinh dưỡng. Xây dựng thực đơn phù hợp với độ tuổi, tăng dinh dưỡng hợp lý cho trẻ suy dinh dưỡng và giảm khẩu phần ăn đối với trẻ thừa cân phù hợp.

Chỉ đạo Y tế học đường trường thực hiện tốt các biện pháp theo dõi, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì cho trẻ em trong trường. Thực hiện nghiêm túc quy định về công tác y tế trường học, đảm bảo 100% trẻ đến trường được kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng của Tổ chức Y tế Thế giới.

Tham mưu khám sức khỏe cho trẻ 2 lần/năm, cân đo theo dõi biểu đồ 3 lần/năm

Quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn của trẻ tại các lớp bảo đảm tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT và an toàn vệ sinh thực phẩm.

Chú trọng công tác bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kiến thức và năng lực của cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên về công tác y tế trường học, kiến thức về dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực để nâng cao sức khỏe, dự phòng các bệnh không lây nhiễm; Tăng cường tuyên truyền đến các bậc cha mẹ trẻ về chế độ dinh dưỡng cân đối hợp lý, phòng chống các bệnh thường gặp.. giúp trẻ phát triển về thể chất; Phối hợp với gia đình xây dựng chế độ dinh dưỡng, vận động hợp lý đối với trẻ suy dinh dưỡng và trẻ thừa cân, béo phì.

**5.2. Nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN**

5.2.1. Thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo yêu cầu của Chương trình trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp

Nhà trương chỉ đạo, hướng dẫn các lớp tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo hướng đảm bảo mục tiêu, kết quả mong đợi quy định tại Chương trình GDMN, phù hợp với điều kiện và bối cảnh phòng, chống dịch Covid-19; định hướng việc chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp Một; phối hợp chặt chẽ với phụ huynh thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại nhà trong thời gian chưa đến trường để tránh dịch và khi đến trường trở lại:

Trong thời gian trẻ em chưa đến trường để phòng chống dịch Covid-19. Chỉ đạo các lớp thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 của các cấp, phối hợp chặt chẽ với trạm y tế xã triển khai các biện pháp phòng, chống dịch. Các lớp tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh thực hiện chế độ dinh dưỡng khoa học, hợp lý và tổ chức cho trẻ em hoạt động vui chơi tại nhà; giáo viên nắm bắt cụ thể về tình hình sức khỏe của trẻ trong thời gian trẻ chuẩn bị tới trường, lớp.

Không tổ chức dạy học trực tuyến đối với trẻ mầm non, duy trì hoạt động kết nối với gia đình, trẻ em bằng kênh liên lạc phù hợp như hình thành các nhóm zalo, messenger, viber, youtube... giữa giáo viên và các phụ huynh để chia sẻ, tư vấn việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở nhà. Yêu cầu giáo viên lựa chọn và hướng dẫn phụ huynh tổ chức những hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhà để hướng tới đạt được mục tiêu, kết quả mong đợi cuối độ tuổi theo Chương trình GDMN; các nội dung, hình thức hoạt động cho trẻ em cần đảm bảo an toàn và đáp ứng yêu cầu về giáo dục.

- Xây dựng kho tài liệu, học liệu trực tuyến dùng chung, các công cụ hỗ trợ (Phần mềm tương tác, tài liệu trực tuyến, ngân hàng video,…) phù hợp với điều kiện của địa phương, hướng dẫn, giới thiệu các nguồn, kênh thông tin, tài liệu để hỗ trợ phụ huynh thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Đối với trẻ em mẫu giáo 5 tuổi: lựa chọn những nội dung cốt lõi, cần thiết, hướng dẫn phụ huynh tổ chức giáo dục trẻ em ở nhà phù hợp với điều kiện của gia đình, nhằm chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp Một.

Khi trẻ đến trường trở lại – Các lớp điều chỉnh kế hoạch năm học và tổ chức thực hiện chương trình theo các kịch bản phù hợp; lựa chọn nội dung giáo dục cần thiết, phù hợp với thời gian còn lại của năm học, hướng dẫn giáo viên chủ động điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với khả năng của trẻ em trong lớp, giúp trẻ em đạt mục tiêu, kết quả mong đợi cuối độ tuổi theo Chương trình GDMN.

Đối với trẻ em mẫu giáo 5 tuổi: Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại tài liệu Hướng dẫn giáo viên mầm non chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp Một, CM thống nhất, hướng dẫn giáo viên lựa chọn những nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết, ưu tiên tổ chức các hoạt động giáo dục giúp trẻ em đạt những kết quả mong đợi để chuẩn bị sẵn sàng vào học lớp Một; đảm bảo trẻ em mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN khi kết thúc năm học.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên với phụ huynh, cộng đồng để chăm sóc, giáo dục trẻ tốt nhất.

**\* Biện pháp thực hiện:**

Chỉ đạo hướng dẫn giáo viên xây dựng các video, audio hướng dẫn, hỗ trợ phụ huynh nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non tại gia đình.

Xây dựng kế hoạch, quyết định và các văn bản liên quan khác trong việc tiến hành các hoạt động theo kế hoạch đảm bảo triển khai hoạt động hiệu quả.

Tổ chức thẩm định video, audio do các giáo viên đăng ký để bổ sung vào kho học liệu trực tuyến hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, phụ huynh nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non trên toàn trường.

Cung cấp địa chỉ kho học liệu dùng chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho các giáo viên. Chỉ đạo tổ khối, giáo viên hướng dẫn phụ huynh cùng với con theo dõi các chương trình giáo dục trên các kênh truyền hình như: kênh VTV7 Kids: Chương trình “Ở nhà mùa dịch”, “ABC - Vui từng giờ”, “123 - Ta cùng đếm”; kênh VTV1: Chương trình “Vì tầm vóc Việt”; kênh HTV7: Chương trình “Nào ta cùng vui”; khuyến khích phụ huynh chụp ảnh, quay video các hoạt động học tập, vui chơi tại nhà của trẻ và gửi cho giáo viên chủ nhiệm lớp để giáo viên có thể nắm bắt được tình hình của trẻ.

Xây dựng và thẩm định video, audio cấp trường đồng thời lựa chọn video, audio chất lượng gửi về phòng Giáo dục và Đào tạo theo nội dung được phân công để bổ sung vào kho tài liệu, học liệu trực tuyến hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên và phụ huynh nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em mầm non dùng chung cho toàn thị xã.

Khi trẻ đến trường trở lại – Chỉ đạo tổ khối, giáo viên điều chỉnh kế hoạch năm học và tổ chức thực hiện chương trình theo các kịch bản phù hợp; lựa chọn nội dung giáo dục cần thiết, phù hợp với thời gian còn lại của năm học, hướng dẫn giáo viên chủ động điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với khả năng của trẻ em trong lớp, giúp trẻ em đạt mục tiêu, kết quả mong đợi cuối độ tuổi theo Chương trình GDMN.

Đặc biệt, đối với nội dung hướng dẫn cha mẹ chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp 1: Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại tài liệu Hướng dẫn giáo viên chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào học lớp 1, tổ khối, giáo viên cần lựa chọn những nội dung cốt lõi, cần thiết, hướng dẫn phụ huynh tổ chức giáo dục trẻ ở nhà phù hợp với điều kiện gia đình, nhằm chuẩn bị cho trẻ sẵn sàng vào học lớp 1, đảm bảo đáp ứng yêu cầu giáo dục thông qua phụ huynh trong bối cảnh trẻ phải nghỉ ở nhà do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

**5.2.2.Triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình GDMN sau sửa đổi**

Chỉ đao, tổ chức tập huấn, hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi theo chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, phòng Giáo dục và Đào tạo đối với 100% CBQL, GV của nhà trường.

Thực hiện các chính sách phát triển GDMN theo quy định tại Nghị định 105/2020/NĐCP và Nghị định số 24/2021/NĐ-CP quy định việc quản lý trong cơ sở GDMN và cơ sở giáo dục phổ thông công lập, trong đó ưu tiên thực hiện dịch vụ bán trú phù hợp với điều kiện của địa phương để bảo đảm chế độ sinh hoạt cho trẻ được quy định tại Chương trình GDMN và chế độ làm việc của giáo viên mầm non theo quy định.

Các lớp chủ động trong việc áp dụng các hình thức, phương pháp, mô hình giáo dục tiên tiến;lựa chọn, bổ sung những nội dung, phương pháp giáo dục phù hợp với quan điểm, mục tiêu của Chương trình GDMN, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của nhà trường,

Hướng dẫn, khuyến khích CBQL, GV khai thác, sử dụng tài liệu, học liệu trực tuyến hiệu quả, đúng quy định; ứng dụng các phương tiện, kĩ thuật, công nghệ để tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ theo hướng tương tác với phương châm giáo dục “chơi mà học, học bằng chơi”.

Thực hiện có hiệu quả, thiết thực việc đánh giá thực hiện chương trình theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm điều chỉnh, nâng cao chất lượng, phù hợp với điều kiện và bối cảnh.Trên cơ sở kết quả đánh giá việc thực hiện chương trình và kết quả thực hiện chuyên đề của giai đoạn trước, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025"; Xây dựng các lớp điểm thực hiện chuyên đề theo yêu cầu tại Kế hoạch số 12/KH-PGDĐT ngày 29/7/2021 của phòng Giáo dục và Đào tạo

Triển khai giai đoạn 2 Kế hoạch thực hiện Đề án “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 -2020, định hướng đến năm 2025” theo Quyết định số 1764/QĐ-UBND, ngày 16/6/2017 của Ủy ban nhân dân thị xã Buôn Hồ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ Mầm non, học sinh Tiểu học vùng DTTS, giai đoạn 2016-2020, định hướng 2025 trên địa bàn thị xã Buôn Hồ;tiếp tục tăng cường các điều kiện, trang bị tài liệu, học liệu, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, nâng cao chất lượng tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS. Triển khai có hiệu quả, đảm bảo chất lượng việc cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Các lớp chủ động xây dựng kế hoạch hành động về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; tổ chức thực hiện và giám sát việc thực hiện quyền trẻ em. Chỉ đạo các lớp thực hiện tốt việc quản lý, lựa chọn, sử dụng đồ chơi, tài liệu, học liệu theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014, Thông tư số 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 và các quy định khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế.Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025.

Chỉ đạo, hướng dẫn, đánh giá sự phát triển của trẻ theo các chỉ số phù hợp từng độ tuổi( Khối mầm; 98 chỉ số, khối chồi; 100 chỉ số, khối lá; 120 chỉ số), làm cơ sở cho việc xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ theo quy định của Chương trình GDMN. Tiếp tục thực hiện Đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ Mầm non, giai đoạn 2020-2025. Tiếp tục tăng cường các điều kiện, trang bị tài liệu, học liệu; bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, nâng cao chất lượng tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS. Tiếp tục triển khai cho trẻ làm quen với tiếng Anh theo nhu cầu của cha mẹ trẻ.

Đẩy mạnh công tác truyền thông tới gia đình và cộng đồng nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ khuyết tật và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, giúp trẻ có cơ hội thực hiện các quyền của trẻ em và hòa nhập cộng đồng.

**\* Biện pháp thực hiện:**

Mỗi CB,GV,NV Nhà trường thực hiện Chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non xanh - an toàn - thân thiện”

Xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025”

Lập kế hoạch chủ đề, xây dựng các chỉ số, lồng ghép các kỹ năng sống, kỹ năng vận động, lồng ghép giới và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh…. để chăm sóc trẻ phát triển toàn diện. Triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình GDMN sau sửa đổi.

Tổ chức làm đồ dùng tự tạo bằng nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương để khuyến khích CBQL, GV khai thác, sử dụng tài liệu, học liệu trực tuyến hiệu quả.

Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chuyên đề "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025"; Xây dựng các lớp điểm thực hiện chuyên đề theo yêu cầu tại Kế hoạch số 12/KH-PGDĐT ngày 29/7/2021 của phòng Giáo dục và Đào tạo tại 2 lớp lá 2, chồi 1.

Xây dựng kế hoạch tu sửa, tôn tạo môi trường tăng cường tiếng việt để tiếp tục tăng cường các điều kiện, trang bị tài liệu, học liệu, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, nâng cao chất lượng tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người DTTS của nhà trường.

\* Dự kiến các chủ đề trong năm học như sau:

**\* Khối mầm +chồi:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ đề chính** | **Thực hiện** | **Ghi chú** |
| 9/2021 | Trường mầm non | 3 Tuần |  |
| 9-10/2021 | Bé vui tết trung thu | 1 Tuần | CĐN phát sinh |
| 10/2021 | Bản thân | 3 Tuần |  |
| 10-11/2021 | Gia Đình | 3 Tuần |  |
| 11-2021 | Ngày tết của cô 20 - 11 | 1 tuần | CĐN phát sinh |
| 11-12/2021 | Nghề Nghiệp | 2 Tuần |  |
| 12/20-1/2022 | Thế giới động vật | 5 Tuần | 1 CĐN phát sinh |
| 1-2/2022 | Thế giới thực vật, tết và mùa xuân | 5 Tuần | 2 chủ đề kết hợp |
| 3/2022 | Phương tiện và luật lệ giao thông. | 3 Tuần |  |
| 3/2022 | Ngày hội 8/3 | 1 Tuần | CĐN phát sinh |
| 4/2022 | Nước và các hiện tượng nhiên | 3 Tuần |  |
| 4-5/2022 | Quê hương đất nước Bác Hồ | 3 Tuần |  |
| 5/2022 | Dinh dưỡng | 2 Tuần |  |
|  | **Tổng cộng** | **35 tuần** |  |

**\* Khối Lá:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ đề chính** | **Thực hiện** | **Ghi chú** |
| 9/2021 | Trường mầm non | 3 Tuần |  |
| 9-10/2021 | Bé vui tết trung thu | 1 Tuần | CĐN phát sinh |
| 10/2021 | Bản thân | 3 Tuần |  |
| 10-11/2021 | Gia Đình | 3 Tuần |  |
| 11-2021 | Ngày tết của cô 20 - 11 | 1 tuần | CĐN phát sinh |
| 11-12/2021 | Nghề Nghiệp | 2 Tuần |  |
| 12/20-1/2022 | Thế giới động vật | 5 Tuần | 1 CĐN phát sinh |
| 1-2/2022 | Thế giới thực vật, tết và mùa xuân | 5 Tuần | 2 chủ đề kết hợp |
| 3/2022 | Phương tiện và luật lệ giao thông. | 3 Tuần |  |
| 3/2022 | Ngày hội 8/3 | 1 Tuần | CĐN phát sinh |
| 4/2022 | Nước và các hiện tượng nhiên | 3 Tuần |  |
| 4-5/2022 | Quê hương đất nước Bác Hồ | 3 Tuần |  |
| 5/2022 | Trường tiểu học | 2 Tuần |  |
|  | **Tổng cộng** | **35 tuần** |  |

**6. Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non**

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/05/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo theo các văn bản hướng dẫn của Sở. Tập trung nguồn lực bồi dưỡng tập huấn đội ngũ, nâng cao đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương và trách nhiệm bảo vệ trẻ; nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu chăm sóc, giáo dục trẻ.

Triển khai Luật Giáo dục sửa đổi 2019; Thông tư số 24/2020/TT- BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ GD&ĐT về việc Quy định việc sử dụng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo; Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên giai đoạn 1 (2020 - 2025).

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 03/7/2020 của Chính phủ về giải pháp đối với biên chế sự nghiệp giáo dục và y tế, tổ chức rà soát định mức giáo viên/lớp; có biện pháp chủ động tham mưu đủ số lượng vị trí việc làm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV.

**\* Biện pháp thực hiện:**

Khuyến khích giáo viên tự học nâng cao trình độ đạt chuẩn, trên chuẩn và khai thác nguồn tài liệu, học liệu hữu ích trên mạng Internet.

Tiếp tục rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non theo Thông tư 25, 26/TT-BGDĐT, ngày 08/10/2018 vào tháng 5 hàng năm, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phát triển đội ngũ để đáp ứng yêu cầu theo chuẩn.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với GVNV theo quy định thuộc thẩm quyền.

Tạo điều kiện cho giáo viên hoàn thiện tiêu chuẩn theo yêu cầu của hạng chức danh nghề nghiệp để đảm bảo việc thi/xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non và bổ nhiệm, xếp lương theo hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non theo quy định; đề nghị cấp trên khen thưởng CBQL, GV, NV tiêu biểu xuất sắc.

**7. Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đối với GDMN**

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số trong Nhà trường.

Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 4575/KH-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh về việc tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và hỗ trợ hoạt động dạy học, góp phần nâng cao chất lượng GDĐT giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, chăm sóc, giáo dục trẻ. Xây dựng kho tài liệu, học liệu trực tuyến dùng chung, lựa chọn nền tảng, giải pháp phần mềm quản lý để hỗ trợ thực hiện và triển khai kế hoạch giáo dục (KHGD) theo Chương trình GDMN.Việc lựa chọn nền tảng và phần mềm cần đáp ứng được các yêu cầu như: hiệu quả, dễ sử dụng, có tính hệ thống và khoa học trong việc lưu trữ, dễ khai thác và chia sẻ tài nguyên; hỗ trợ tốt cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát của nhà trường.

Tiếp tục duy trì, thực hiện linh hoạt các phần mềm, hoàn thiện cập nhật dữ liệu phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, cập nhật đánh giá phần mềm kiểm định chất lượng, cập nhật phần mềm Vui học mầm non, Wedsite nhà trường, OMS, phần mềm Nutrikiss để phục vụ cho công tác quản lý, chăm sóc nuôi dưỡng trẻ. Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác soạn giảng, quản lý, lưu trữ và sử dụng hồ sơ, sổ sách chuyên môn đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, tránh hình thức. Khuyến khích dạy trẻ bằng việc ứng dụng giáo án điện tử. Mỗi GV làm giáo án điện tử 2 bài/năm

Đẩy mạnh việc sử dụng hồ sơ, sổ sách điện tử phù hợp với điều kiện của địa phương, nhà trường và khả năng thực hiện của giáo viên; giảm hồ sơ giấy trong việc xây dựng, thực hiện KHGD. Lựa chọn và triển khai các ứng dụng, các phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý trường học như: lập kế hoạch, theo dõi chỉ đạo, quản lý bán trú, quản lý về đồ dùng, thiết bị, đồ chơi… của đơn vị và đảm bảo tính liên thông trực tuyến từ nhà trường tới các lớp, để đảm bảo chất lượng quản lý, giám sát. Tăng cường ứng dụng phương thức trực tuyến để tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, dự giờ và tổ chức sinh hoạt chuyên môn

**\*Biện pháp thực hiện:**

Tạo điều kiện cho cán bộ giáo viên được tham gia tập huấn các phần mềm điện tử cấp trên triển khai theo kế hoạch. Khuyến khích giáo viên soạn bài bằng giáo án điện tử. Thường xuyên kiểm tra nhân viên cập nhật số liệu qua phần mềm và thực hiện báo cáo kịp thời hiệu quả. Động viên khuyến khích cán bộ giáo viên, nhân viên tham gia lớp học bồi dưỡng tin học, ứng dụng công nghệ thông tin để đáp ứng với nhu cầu hiện nay.

Triển khai lớp mẫu giáo 5 tuổi tiếp cận với ứng dụng công nghệ thông tin, đảm bảo 1 lớp trên 1 máy vi tính có phần mềm vui học đối với trẻ 5 tuổi.

**8. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non**

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động truyền thông, quán triệt sâu sắc các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới và phát triển GDMN.

Phối hợp với Đài truyền thanh truyền hình của xã tăng cường thông tin, truyền thông về GDMN của nhà trường, về kết quả thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; tôn vinh các tấm gương điển hình, tiêu biểu có nhiều đóng góp phát triển GDMN của nhà trường.

Khai thác các nền tảng công nghệ để truyền thông nâng cao về nhận thức, chuyên môn nghiệp vụ đối với CBQL, GVMN.

Tăng cường phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng bằng nhiều hình thức, đảm bảo hiệu quả, phù hợp, có sức lan tỏa sâu rộng; đặc biệt tăng cường công tác truyền thông cho cha mẹ và cộng đồng về tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong thời gian dịch bệnh Covid-19.

**\*Biện pháp thực hiện:**

Đầu năm học nhà trường xây dựng kế hoạch tuyên truyền tới bậc cha mẹ trẻ bằng hình thức truyền thông của xã, qua bảng tuyên truyền nhà trường và của lớp. Tuyên truyền qua cuộc họp cha mẹ trẻ để gia đình, cộng đồng, nhà trường cùng mục tiêu chăm sóc giáo dục một cách đồng thuận và thống nhất cao. Thông qua wepsai của trường, zalo, facebook,....để cha mẹ nắm bắt kịp thời.

**9. Triển khai hiệu quả công tác thống kê, báo cáo về GDMN**

Tổ chức thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ về GDMN theo Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT ngày 30/12/2019 (tại địa chỉ csdl.moet.gov.vn); dữ liệu được cập nhật 02 kỳ/năm học (kỳ đầu và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ và chính xác theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 và các văn bản về báo cáo thống kê giáo dục định kỳ hằng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo; tổ chức rà soát, tổng hợp đầy đủ thông tin hồ sơ về trường học, lớp học, học sinh, đội ngũ, CSVC, tài chính đảm bảo đầy đủ, chính xác và cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngành theo hướng dẫn của Bộ.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục và chống mù chữ theo Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GDĐT (địa chỉ truy cập: http://pcgd.moet.gov.vn); cập nhật đầy đủ thông tin về trẻ em, đội ngũ, CSVC…trên hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục và chống mù chữ. Thực hiện cập nhật dữ liệu, kiểm tra, đánh giá và gửi báo cáo kết quả thực hiện PCGD-XMC năm 2021 theo quy định và theo hướng dẫn của phòng Giáo dục và Đào tạo.

**\*Biện pháp thực hiện:**

Ngay từ đầu năm học nhà trường ra quyết định bố trí, phân công từng thành viên của các Ban ngành, đoàn thể, bộ phận chuyên môn chịu trách nhiệm thống kê, báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác báo cáo, văn bản chỉ đạo của cấp trên.

**III. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT CỦA TRẺ Ở CÁC ĐỘ TUỔI:**

**\* Trẻ 3 – 4 tuổi**

*Mục tiêu, nội dung giáo dục*

**I .Các chỉ số  thuộc lĩnh vực phát triển thể chất**

**\* Cân nặg của trẻ :**

Trẻ trai : 12,7– 21,2kg.

Trẻ gái : 12,3 – 21kg.

**\* Chiều cao của trẻ :**

Trẻ trai : 95 – 111,cm

Trẻ gái: 92,2– 111cm.

**Chuẩn 1: Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ**

Chỉ số 1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động

Chỉ số 2. Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).

Chỉ số 3. Đi kiễng gót liên tục 3m.

Chỉ số 4. Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.

**Chuẩn 2: Có thể kiểm soát và vận động các nhóm cơ nhỏ**

Chỉ số 5. Tự cài, cởi cúc, buộc dây dày

Chỉ số 6. Biết tự cầm bút, cầm thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi

Chỉ số 7. Xoay tròn cổ tay.

Chỉ số 8. Gập, đan ngón tay vào nhau

**Chuẩn 3: Trẻ có thể phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động**

Chỉ số 9. Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng.

Chỉ số 10. Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).

Chỉ số 11. Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài

**Chuẩn 4: Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể**

Chỉ số 12. Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng.

Chỉ số 13. Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).

Chỉ số 14. Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.

Chỉ số 15. Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ.

Chỉ số 16. Tự cài, cởi cúc.

**Chuẩn 5: Trẻ có hiểu biết, thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng**

Chỉ số 17. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).

Chỉ số 18. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau…

Chỉ số 19. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.

**Chuẩn 6: Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân.**

Chỉ số 20. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt, không tự lấy thuốc uống, không leo trèo bàn ghế,

Chỉ số 22. Nhận ra đồ vật, những nơi nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Dao, kéo, ổ điện , bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, ao, hồ, sông, suối, mương nước, bể chứa nước…

**II. Các chỉ số thuộc lĩnh vực phát triển tình cảm, quan hệ xã hội**

**Chuẩn 7: Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân.**

Chỉ số 25. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân

Chỉ số 26. Thực hiện được một số quy định ở lớp, ở gia đình và nơi công cộng: Cất đồ chơi vào đúng nơi quy định; trật tự khi ăn, khi ngủ; vâng lời ông bà, cha mẹ; đi bên phải lề đường...

**Chuẩn 8: Trẻ tin tưởng vào khả năng của bản thân.**

Chỉ số 27. Nói được điều bé thích, không thích

Chỉ số 28. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.

**Chuẩn 9: Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc**

Chỉ số 29. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.

Chỉ số 30. Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc

Chỉ số 31. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.

Chỉ số 32. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ

Chỉ số 33. Biết và nói được một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước

**Chuẩn 10.Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn.**

Chỉ số 34. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...

Chỉ số 35. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.

Chỉ số 36. Biết yêu mến, quan tâm, giúp đỡ người thân trong gia đình và bạn bè

**Chuẩn 11: Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người.**

Chỉ số 37. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.

Chỉ số 38. Biết hợp tác, thỏa thuận với cô, với bạn trong quá trình thực hiện hoạt động chung..

Chỉ số 39. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.

**Chuẩn 12: Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội.**

Chỉ số 40. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình. Cất đồ chơi vào đúng nơi quy định, trật tự khi ăn,Khi ngủ, vâng lời ông bà, cha mẹ , đi bên phải lề đường.

Chỉ số 41. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).

Chỉ số 42. Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ...

Chỉ số 43. Biết cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.

Chỉ số 44. Biết giữ gìn bảo về môi trường, bỏ rác vào nơi quy định; Không ngắt hoa. Bẻ cành, chăm sóc con vật, cây cảnh; Giữ gìn đồ dùng, đồ chơi.

**Chuẩn 13. Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác**

Chỉ số 45. Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ...

Chỉ số 46. Hát các bài hát về cây, con vật...

Chỉ số 47. Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.

**III.Các chỉ số thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ**

**Chuẩn 14**: **Nghe, hiểu lời nói.**

Chỉ số 48. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.

Chỉ số 49. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả…

Chỉ số 50. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm

Chỉ số 51. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..

**Chuẩn 15: Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp.**

Chỉ số 52. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.

Chỉ số 53. Nói rõ các tiếng.

Chỉ số 54. Phát âm các tiếng có âm khó, nói rõ để người nghe có thể hiểu được.

Chỉ số 55. Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.

Chỉ số 56. Kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc, diễn cảm.

Chỉ số 57. Biết dùng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc, nhận xét, của mình về các sản phẩm tạo hình( màu sắc, đường nét).

**Chuẩn 16: Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường khi giao tiếp.**

Chỉ số 58. Nghe hiểu và thực hiện theo các yêu cầu liên quan đến 2,3 hành động.

Chỉ số 59 Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.

Chỉ số 60. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.

Chỉ số 61. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, … trong giao tiếp.

Chỉ số 62. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.

**Chẩn 17: Thể hiện hứng thú với việc đọc.**

Chỉ số 63. Biết chọn sách để xem.

Chỉ số 64. Thích nghe, đọc các loại sách khác nhau.

Chỉ số 65. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...

Chỉ số 66. Giữ gìn và bảo về sách.

**Chuẩn 18: Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu về việc đọc sách.**

Chỉ số 67. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh; Biết giữ gìn, bảo vệ sách

Chỉ số 68, Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.

Chỉ số 69. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.

**IV. Các chỉ số thuộc lĩnh vực phát triển nhận thức.**

**Chuẩn 20: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên.**

Chỉ số 70. Nêu được các đặc điểm bên ngoài, ích lợi và tác hại, cách chăm sóc- bảo vệ các con vật, cây hoa quả gần gũi đối với con người.

Chỉ số 71. Phân biệt được cây, hoa theo 1-2 dấu hiệu.

Chỉ số 72. Nhận biết được một số đặc điểm của các con vật, cây, hoa quả quen thuộc

Chỉ số 73. Biết đặc điểm, tính chất, tác dụng của nước, không khí, ánh sáng với cuộc sống con người, vật nuôi và cây cối.

Chỉ số 74. Nói được một vài đặc điểm, tính chất cơ bản của đất, nước, đá, sỏi.

**Chuẩn 21.Trẻ thể hiện một số hiển biết về môi trường xã hội.**

Chỉ số 75. Biết tên gọi và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi của lớp. Biết bảo quản đồ dùng, đồ chơi

Chỉ số 76. Kể tên và nói được một số ngày hội, ngày lễ, di tích lịch sử, cảnh đẹp của địa phương.

Chỉ số 77. Kể được một số nghề phổ biến biết được công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi, của các nghề đó.

Chỉ số 78. Nói được địa chỉ của gia đình mình khi được hỏi.

Chỉ số 79. Trẻ biết tên và địa chỉ của trường, lớp đang học, biết tên thầy, cô giáo đang dạy.

**Chuẩn 22: Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và số đo.**

Chỉ số 80. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.

Chỉ số 81. Nhận biết dài- ngắn

Chỉ số 82. Nhận biết cao- thấp, to-nhỏ

Chỉ số 83. Biết dùng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự

**Chuẩn 23: Trẻ nhận biết về một số hình học và định hướng trong không gian**.

Chỉ số 84. Nhận dạng và gọi tên các hình tròn, vuông, tam giác, chữ nhật

Chỉ số 85. Xác định được vị trí của đồ vật (phía phải, trái, trên, dưới, trước, sau) so với bản thân và với người khác bằng lời nói và hành động

**Chuẩn 24. Trẻ có nhận biết ban đầu về thời gian.**

Chỉ số 86. Nhận biết được hiện tượng nắng - mưa, nóng - lạnh

Chỉ số 87. Biết một số nguồn nước, ánh sáng và ích lợi của chúng đối với đời sống con người, con vật, cây cối.

Chỉ số 88. Trẻ biết sự khác nhau giữa ngày và đêm.

**Chuẩn 25: Trẻ tò mò và ham hiểu biết**

Chỉ số 89. Quan tâm đến sự thay đổi của các sự vật hiện tượng xung quanh.

Chỉ số 90. Biết sử dụng phối hợp các giác quan để xem xét, tìm hiểu, đặc điểm của đối tượng.

**Chuẩn 26: Trẻ thể hiện khả năng suy luận.**

Chỉ số 91. Sử dụng các giác quan để tìm hiểu đặc điểm nổi bật của đối tượng  
chỉ số 92. Nhận biết quy tắc sắp xếp xen kẽ (theo mẫu) và sao chép lại

**V. Các chỉ số thuộc lĩnh vực phát triển thẩm mỹ**

**Chuẩn 27: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình.**

Chỉ số 93. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và sắc thái của bài hát qua giọng hát.

Chỉ số 94. Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản

Chỉ số 95. Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;

Chỉ số 96. Vẽ phối hợp các nét cong, nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.

**Chuẩn 28: Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo**

Chỉ số 97. Tạo ra các sản phẩm tạo theo ý thích

Chỉ số 98. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa) múa)

**TRẺ MẪU GIÁO 4 - 5 TUỔI**

**Mục tiêu, nội dung giáo dục**

**I .Các chỉ số  thuộc lĩnh vực phát triển thể chất**

**\* Cân nặg của trẻ :**

Trẻ trai : 16 – 26,kg.

Trẻ gái : 13– 25kg.

**\* Chiều cao của trẻ :**

Trẻ trai : 106,4– 125,8cm

Trẻ gái: 104.8- 124.5cm

**Chuẩn 1: Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ**

Chỉ số 1. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:,   
 Chỉ số 2 Kiểm soát được vận động:  
 - Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt dích dắc).  
 Chỉ số 3. Phối hợp tay – mắt trong vận động:  
 Chỉ số 4. - Tung, bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 3 m).

Chỉ số 5. Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m).

Chỉ số 7. Ném trúng đích thẳng đứng (xa 1,5m x cao 1,2m),

Chỉ số 8. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:

Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng trong 10 giây.Chỉ số 9 ..Trườn theo hướng thẳng,

Chỉ số 10 .. Chuyền bóng qua đầu, qua chân

Chỉ số 11. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m).

Chỉ số 12. thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt

Chỉ số 13. - Bò trong đường dích dắc (3 – 4 điểm dích dắc, cách nhau 2 m) không chệch ra ngoài

Chỉ số 14. Thực hiện được các vận động:  
 - Cuộn - xoay tròn cổ tay.  
 - Gập, mở các ngón tay.

Chỉ số 15. Bật nhảy trên cao xuống

**Chuẩn 2: Có thể kiểm soát và vận động các nhóm cơ nhỏ**

Chỉ số 16. . Phối hợp được cử động các bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động:

Chỉ số 17. Xây dựng, lắp ráp từ 10 – 12 khối.

**Chuẩn 3: Trẻ có thể phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động**

Chỉ số 18. Lăn bóng bằng hai tay và đi theo bóng

Chỉ số 19. Đi và giữ thăng bằng trên ghế thể dục

**Chuẩn 4: Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể**

Chỉ số 20: Chạy liên tục theo hướng thẳng

**Chuẩn 5: Trẻ có hiểu biết, thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng**

Chỉ số 21. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng

Chỉ số 22. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: Ăn từ tốn, nhai kỹ; không ăn thức ăn ôi thiu, uống nước lã, rau quả chưa rửa sạch...

**Chuẩn 6: Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân.**

Chỉ số 23. Nhận ra đồ vật, những nơi nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Dao, kéo, ổ điện , bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, ao, hồ, sông, suối, mương nước, bể chứa nước…

**II Các chỉ số thuộc lĩnh vực phát triển tình cảm, quan hệ xã hội**

**Chuẩn 7: Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân.**

Chỉ số 23. Nhận ra đồ vật, những nơi nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: Dao, kéo, ổ điện , bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, ao, hồ, sông, suối, mương nước, bể chứa nước…

Chỉ số 24. Nói được địa chỉ của gia đình, tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh của gia đình

Chỉ số 25. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện

Chỉ số 26. Nói được tên, tuổi, giới tính, sở thích, khả năng của bản thân

Chỉ số 27. Thực hiện được một số quy định ở lớp, ở gia đình và nơi công cộng: Cất đồ chơi vào đúng nơi quy định; trật tự khi ăn, khi ngủ; vâng lời ông bà, cha mẹ; đi bên phải lề đường...

**Chuẩn 8: Trẻ tin tưởng vào khả năng của bản thân.**

Chỉ số 28.Nói và tự chọn dược đồ chơi, trò chơi mà trẻ thích

Chỉ số 29. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn nói ý kiến của bản thân

**Chuẩn 9: Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc**

Chỉ số 30.Nhận biết và biểu lộ một số cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói,trò chơi, hát, đọc thơ.

Chỉ số 31. Nhận ra và biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác

Chỉ số 32. Biết và nói được một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước

**Chuẩn 10.Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn.**

Chỉ số 33. Biết yêu mến, quan tâm, giúp đỡ người thân trong gia đình và bạn bè

**Chuẩn 11: Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người.**

Chỉ số 34. Biết hợp tác, thỏa thuận với cô, với bạn trong quá trình thực hiện hoạt động chung..

Chỉ số 35.Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.

**Chuẩn 12: Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội.**

Chỉ số 36 Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình. Cất đồ chơi vào đúng nơi quy định, trật tự khi ăn,Khi ngủ, vâng lời ông bà, cha mẹ , đi bên phải lề đường.

Chỉ số 37. Biết cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.

Chỉ số 38. Biết giữ gìn bảo về môi trường, bỏ rác vào nơi quy định; Không ngắt hoa. Bẻ cành, chăm sóc con vật, cây cảnh; Giữ gìn đồ dùng, đồ chơi.

**Chuẩn 13. Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác**

Chỉ số 39. Biết được sở thích của bạn bè, biết lắng nghe và chia sẻ.

Chỉ số 40. Biết nhường nhịn bạn trong khi chơi.

**III.Các chỉ số thuộc lĩnh vực phát triển ngôn ngữ**

**Chuẩn 14: Nghe, hiểu lời nói.**

Chỉ số 41. Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng,của các sự vật- hiện tượng, các từ chỉ biểu cảm.

Chỉ số 42. Nghe hiểu và thực hiện theo các yêu cầu liên quan đến 2,3 hành động.

Chỉ số 43. Hiểu nghĩa các từ khái quát chỉ sự vật gần gũi.

**Chuẩn 15: Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp.**

Chỉ số 44. Biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.

Chỉ số 45. Phát âm các tiếng có âm khó, nói rõ để người nghe có thể hiểu được.

Chỉ số 46. Sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu hỏi kết cử chỉ, nét mặt, điệu bộ để bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân.

Chỉ số 47. Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau.

Chỉ số 48.Kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc, diễn cảm.

Chỉ số 49. Biết dùng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc, nhận xét, của mình về các sản phẩm tạo hình( màu sắc, đường nét).

Chỉ số 50. Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.

**Chuẩn 16: Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường khi giao tiếp.**

Chỉ số 51. Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp  
Chỉ số 52. Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp

Chỉ số 53. Hiểu và sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm  
Chỉ số 54. Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.

Chỉ số 55. Biết kể lại sự việc theo trình tự  
Chỉ số 56. Đọc thuộc các bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ...phù hợp với độ tuổi

**Chẩn 17: Thể hiện hứng thú với việc đọc.**

Chỉ số 57. Biết chọn sách để xem.

Chỉ số 58. Thích nghe, đọc các loại sách khác nhau.

Chỉ số 59. Giữ gìn và bảo về sách.

**Chuẩn 18: Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu về việc đọc sách.**

Chỉ số 60. Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh; Biết giữ gìn, bảo vệ sách

Chỉ số 61. Biết “đọc” theo tranh minh họa

Chỉ số 62. Nhận biết một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, biển báo giao thông...).

**IV. Các chỉ số thuộc lĩnh vực phát triển nhận thức.**

**Chuẩn 19: Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc viết**

Chỉ số 63. Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái;

Chỉ số 64. Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới;

Chỉ số 65. Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.

**Chuẩn 20: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên.**

Chỉ số 66. Nêu được các đặc điểm bên ngoài, ích lợi và tác hại, cách chăm sóc - bảo vệ các con vật, cây hoa quả gần gũi đối với con người.

Chỉ số 67. Phân biệt được cây, hoa theo 1-2 dấu hiệu.

Chỉ số 68. Biết đặc điểm, tính chất, tác dụng của nước, không khí, ánh sáng với cuộc sống con người, vật nuôi và cây cối.

Chỉ số 69. Nói được một vài đặc điểm, tính chất cơ bản của đất, nước, đá, sỏi.

**Chuẩn 21.Trẻ thể hiện một số hiển biết về môi trường xã hội.**

Chỉ số 70. Biết tên gọi và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi của lớp. Biết bảo quản đồ dùng, đồ chơi

Chỉ số 71. Kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày hội, ngày lễ, di tích lịch sử, cảnh đẹp của địa phương.

Chỉ số 72. Kể được một số nghề phổ biến biết được công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi, của các nghề đó.

Chỉ số 73. Nói được địa chỉ của gia đình mình khi được hỏi.

Chỉ số 74. Trẻ biết tên và địa chỉ của trường, lớp đang học, biết tên thầy, cô giáo đang dạy.

Chỉ số 75. Nói tên và đặc điểm cơ bản của một số bạn trong lớp.

Chỉ số 76. Biết các hoạt động được tham gia hàng ngày ở trường, lớp.

**Chuẩn 22: Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và số đo.**

Chỉ số 77. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh

Chỉ số 78. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10

Chỉ số 79. Nhận biết dài- ngắn

Chỉ số 80. Biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả

Chỉ số 81. Biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn

Chỉ số 82. Nhận biết cao- thấp, to-nhỏ

Chỉ số 83. Biết dùng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự

Chỉ số 84. Biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh

Chỉ số 85. Biết sắp xếp tương ứng 1-1.

**Chuẩn 23: Trẻ nhận biết về một số hình học và định hướng trong không gian**.

Chỉ số 86. Chỉ ra được sự giống và khác nhau giữa hai hình hình học (tròn - vuông, tam giác - chữ nhật…)

Chỉ số 87. Xác định được vị trí của đồ vật (phía phải, trái, trên, dưới, trước, sau) so với bản thân và với người khác bằng lời nói và hành động

**Chuẩn 24. Trẻ có nhận biết ban đầu về thời gian.**

Chỉ số 88. Trẻ biết sự khác nhau giữa ngày và đêm.

Chỉ số 89. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày

**Chuẩn 25: Trẻ tò mò và ham hiểu biết**

Chỉ số 90. Quan tâm đến sự thay đổi của các sự vật hiện tượng xung quanh.

Chỉ số 91. Biết sử dụng phối hợp các giác quan để xem xét, tìm hiểu, đặc điểm của đối tượng.

**Chuẩn 26: Trẻ thể hiện khả năng suy luận.**

Chỉ số 92. Nhận biết quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.

**V/ Phát triển thẩm mỹ:**

**Chuẩn 27: Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình.**

Chỉ số 93. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và sắc thái của bài hát qua giọng hát.

Chỉ số 94. Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;

Chỉ số 95. Vẽ phối hợp các nét cong, nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.

Chỉ số 96. Xé cắt theo đường thẳng, đường cong và dán thành sản phẩm màu sắc và bố cục.

Chỉ số 97. Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn công, đất nặn để tạo thành sản phẩm có nhiều chi tiết.

**Chuẩn 28: Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo**

Chỉ số 98. Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc;   
Chỉ số 99. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa) múa)

Chỉ số 100. Nói lên ý tưởng phối hợp các nguyên vật liệu và tạo ra các sản phẩm và đặt tên cho các sản phẩm tạo hình theo ý thích.

**TRẺ MẪU GIÁO 5 - 6 TUỔI**

**1, Lĩnh vực phát triển thể chất :**

**- Gồm 6 chuẩn và 26 chỉ số**

**1/ Cân nặng của trẻ** :

- Trẻ trai : 16,0 – 26,6 kg.

- Trẻ gái : 15,0 – 26,6kg.

**2/ chiều cao của trẻ :**

- Trẻ trai :106,4 – 125,2 cm

- Trẻ gái 104,6 – 124,5 cm

**Chuẩn 1:** Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn

a) Chỉ số 1. Bật xa tối thiểu 50cm;

b) Chỉ số 2. Nhảy xuống từ độ cao 40 cm;

c) Chỉ số 3. Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4 m;

d) Chỉ số 4. Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.

**Chuẩn 2**: Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ

a) Chỉ số 5. Tự mặc và cởi được áo;

b) Chỉ số 6. Tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ;

c) Chỉ số 7. Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản;

d) Chỉ số 8. Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.

**Chuẩn 3:** Trẻ có thể phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động

a) Chỉ số 9. Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu;

b) Chỉ số 10. Đập và bắt được bóng bằng 2 tay;

c) Chỉ số 11. Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m).

**Chuẩn 4:** Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể

a) Chỉ số 12. Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây;

b) Chỉ số 13. Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian;

c) Chỉ số 14. Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.

**Chuẩn 5:** Trẻ có hiểu biết, thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng

a) Chỉ số 15. Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn;

b) Chỉ số 16. Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày;

c) Chỉ số 17. Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp;

d) Chỉ số 18. Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng;

đ) Chỉ số 19. Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày;

e) Chỉ số 20. Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.

**Chuẩn 6**: Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân

a) Chỉ số 21. Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm;

b) Chỉ số 22. Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm;

c) Chỉ số 23. Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm;

d) Chỉ số 24. Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép;

đ) Chỉ số 25. Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm;

e) Chỉ số 26. Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.

**2, Lĩnh vực phát triển tình cảm và quan hệ xã hội :**

**- Gồm 7 chuẩn và 34 chỉ số**

**Chuẩn 7**: Trẻ thể hiện sự nhận thức về bản thân

a) Chỉ số 27. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình;

b) Chỉ số 28. Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân;

c) Chỉ số 29. Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân;

d) Chỉ số 30. Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.

**Chuẩn 8**: Trẻ tin tưởng vào khả năng của bản thân

a) Chỉ số 31. Cố gắng thực hiện công việc đến cùng;

b) Chỉ số 32. Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc;

c) Chỉ số 33. Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày;

d) Chỉ số 34. Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.

**Chuẩn 9**: Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc

a) Chỉ số 35. Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác;

b) Chỉ số 36. Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt;

c) Chỉ số 37. Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè;

d) Chỉ số 38. Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp;

đ) Chỉ số 39. Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc;

e) Chỉ số 40. Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh;

g) Chỉ số 41. Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.

**Chuẩn 10**: Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn

a) Chỉ số 42. Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi;

b) Chỉ số 43. Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi;

c) Chỉ số 44. Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi;

d) Chỉ số 45. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn;

e) Chỉ số 46. Có nhóm bạn chơi thường xuyên;

g) Chỉ số 47. Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.

**Chuẩn 11:** Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh

a) Chỉ số 48. Lắng nghe ý kiến của người khác;

b) Chỉ số 49. Trao đổi ý kiến của mình với các bạn;

) Chỉ số 50. Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè;

d) Chỉ số 51. Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn;

đ) Chỉ số 52. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.

**Chuẩn 12:** Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội

a) Chỉ số 53. Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác;

b) Chỉ số 54. Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn;

c) Chỉ số 55. Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;

d) Chỉ số 56. Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường;

đ) Chỉ số 57. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.

**Chuẩn 13**: Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác

a) Chỉ số 58. Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân;

b) Chỉ số 59. Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình;

c) Chỉ số 60. Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.

**3, Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và giao tiếp :**

- Gồm 6 chuẩn và 31 chỉ số

**Chuẩn 14**: Trẻ nghe hiểu lời nói

a) Chỉ số 61. Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi;

b) Chỉ số 62. Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động;

c) Chỉ số 63. Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi;

d) Chỉ số 64. Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.

**Chuẩn 15:** Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp

a) Chỉ số 65. Nói rõ ràng;

b) Chỉ số 66. Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày;

c) Chỉ số 67. Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp;

d) Chỉ số 68. Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;

đ) Chỉ số 69. Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động;

e) Chỉ số 70. Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được;

g) Chỉ số 71. Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định;

h) Chỉ số 72. Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.

**Chuẩn 16:** Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp

a) Chỉ số 73. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp;

b) Chỉ số 74. Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp;

c) Chỉ số 75. Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện;

d) Chỉ số 76. Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;

đ) Chỉ số 77. Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống;

e) Chỉ số 78. Không nói tục, chửi bậy.

**Chuẩn 17:** Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc

a) Chỉ số 79. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;

b) Chỉ số 80. Thể hiện sự thích thú với sách;

c) Chỉ số 81. Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.

Chuẩn 18: Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc

a) Chỉ số 82. Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống;

b) Chỉ số 83. Có một số hành vi như người đọc sách;

c) Chỉ số 84. “Đọc” theo truyện tranh đã biết;

d) Chỉ số 85. Biết kể chuyện theo tranh.

**Chuẩn 19:** Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc viết

a) Chỉ số 86. Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói;

b) Chỉ số 87. Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân;

c) Chỉ số 88. Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái;

d) Chỉ số 89. Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình;

đ) Chỉ số 90. Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới;

e) Chỉ số 91. Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.

**4, Lĩnh vực phát triển nhân thức :**

- Gồm 9 chuẩn và 29 chỉ số

**Chuẩn 20:** Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên

a) Chỉ số 92. Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung;

b) Chỉ số 93. Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên;

c) Chỉ số 94. Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống;

d) Chỉ số 95. Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.

**Chuẩn 21:** Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội

a) Chỉ số 96. Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng;

b) Chỉ số 97. Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống;

c) Chỉ số 98. Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.

**Chuẩn 22:** Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình

a) Chỉ số 99. Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc;

b) Chỉ số 100. Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em;

c) Chỉ số 101. Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc;

d) Chỉ số 102. Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản;

đ) Chỉ số 103. Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.

**Chuẩn 23:** Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo

a) Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10;

b) Chỉ số 105. Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm;

c) Chỉ số 106. Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo.

**Chuẩn 24**: Trẻ nhận biết về một số hình hình học và định hướng trong không gian

a) Chỉ số 107. Chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu;

b) Chỉ số 108. Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.

**Chuẩn 25**: Trẻ có một số nhận biết ban đầu về thời gian

a) Chỉ số 109. Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự;

b) Chỉ số 110. Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày;

c) Chỉ số 111. Nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ.

**Chuẩn 26**: Trẻ tò mò và ham hiểu biết

a) Chỉ số 112. Hay đặt câu hỏi;

b) Chỉ số 113. Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.

**Chuẩn 27**: Trẻ thể hiện khả năng suy luận

a) Chỉ số 114. Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày;

b) Chỉ số 115. Loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại;

c) Chỉ số 116. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.

**Chuẩn 28:** Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo

a) Chỉ số 117. Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát;

b) Chỉ số 118. Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình;

c) Chỉ số 119. Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau;

d) Chỉ số 120. Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Tổ khối trưởng, giáo viên căn cứ kế hoạch trên để thức hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ trong năm học.

Tổ khối và giáo viên căn cứ nội dung trên để xây dựng kế hoạch tháng cho phù hợp tình hình khối, lớp, tình hình địa phương và của trường để triển khai thực hiện hoàn thành tốt kế hoạch đã đề ra.

.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Tổ khối trưởng t/h;  - Giáo viên t/h;  - Lưu: VT, HSCM | **P.HIỆU TRƯỞNG**  **Nguyễn Thị Hoài Nga** |

**DUYỆT HIỆU TRƯỞNG**